ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ CÚ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 21/KH-UBND	*Trà Cú, ngày 13 tháng 3 năm 2023*

KẾ HOẠCH
Thực hiện Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023 trên địa bàn huyện Trà Cú

Căn cứ Kế hoạch số 07/KH-UBND ngày 16/02/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Trà Cú về việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023 trên địa bàn huyện Trà Cú;

Ủy ban nhân dân huyện Trà Cú xây dựng kế hoạch thực hiện Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023 trên địa bàn huyện cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU

- Thực hiện mục tiêu giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững, hạn chế tái nghèo và phát sinh nghèo; hỗ trợ người nghèo, hộ nghèo vươn lên mức sống ngang bằng xã hội, tiếp cận các dịch vụ cơ bản theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia, nâng cao chất lượng cuộc sống, thoát nghèo bền vững, góp phần hoàn thành các mục tiêu về giảm nghèo của huyện.

- Hỗ trợ đa dạng hoá sinh kế, xây dựng, phát triển và nhân rộng các mô hình, dự án giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, du lịch, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh nhằm tạo việc làm, sinh kế bền vững, thu nhập tốt, nâng cao chất lượng cuộc sống và thích ứng với biến đổi khí hậu, dịch bệnh cho người nghèo; góp phần thực hiện mục tiêu chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động, phát huy giá trị văn hoá của dân tộc, bảo vệ môi trường, tăng trưởng kinh tế và mục tiêu giảm nghèo bền vững.

II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG HƯỞNG LỢI, QUY ĐỊNH CHUNG

1. Phạm vi thực hiện: Thực hiện trên địa bàn huyện Trà Cú.

2. Đối tượng:

- Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người khuyết tật *(không có sinh kế ổn định)* trên phạm vi toàn huyện. Ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng và phụ nữ thuộc hộ nghèo *(quy định tại điểm b mục 2 Phần III Quyết định số 90/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ*).

- Hộ gia đình, tổ cộng đồng, nhóm hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân; cơ sở đào tạo, cơ sở sản xuất, kinh doanh khác xây dựng, nhân rộng, phát triển mô hình, dự án giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, du lịch, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh nhằm tạo việc làm, sinh kế, thu nhập và chuyển giao khoa học, công nghệ, kỹ thuật, mô hình giảm nghèo cho người nghèo. Ưu tiên hỗ trợ các mô hình, dự án giảm nghèo, khởi

nghiệp, khởi sự kinh doanh do người khuyết tật, dân tộc thiểu số, phụ nữ, học sinh, sinh viên thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo tổ chức thực hiện.

- Tạo điều kiện để người yếu thế, dễ bị tổn thương, có hoàn cảnh khó khăn được tham gia thực hiện mô hình, dự án giảm nghèo.

3. Về phương thức hỗ trợ:

- Hỗ trợ đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo thực hiện theo dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng là phương thức hỗ trợ cộng đồng dân cư thực hiện dự án, phương án phát triển sản xuất do chính cộng đồng dân cư đề xuất, tổ chức thực hiện.

- Việc hỗ trợ người dân thực hiện thông qua các mô hình tổ sản xuất *(doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, nhóm hộ gia đình, cộng đồng dân cư)* phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

- Ngân sách Nhà nước hỗ trợ thực hiện dự án, phương thức sản xuất thông qua người đại diện cộng đồng lựa chọn mô hình dự án.

4. Về nguyên tắc hỗ trợ:

- Đảm bảo công khai, dân chủ, bình đẳng giới, có sự tham gia và cam kết của người dân trong việc xây dựng và thực hiện dự án.

- Phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Phù hợp với lợi thế so sánh, thế mạnh của từng địa phương; phù hợp với nhu cầu thị trường và bảo đảm tính hiệu quả bền vững.

- Phù hợp với điều kiện, đặc điểm, nhu cầu của hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người khuyết tật (không có sinh kế ổn định).

- Ưu tiên hỗ trợ tham gia dự án mô hình giảm nghèo đối với người lao động thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo và hộ cận nghèo có thành viên là người có công với cách mạng; người khuyết tật, phụ nữ thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo. Tạo điều kiện để người yếu thế, dễ bị tổn thương, có hoàn cảnh khó khăn được tham gia thực hiện dự án mô hình giảm nghèo.

- Bảo vệ môi trường.

- Thời gian thực hiện mỗi dự án tối đa 3 năm.

5. Về nội dung hỗ trợ:

- Chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật trong sản xuất và quản lý chất lượng đồng bộ.

- Vật tư, nguyên liệu, công cụ, trang thiết bị phục vụ sản xuất, giống cây trồng, vật nuôi.

- Quảng bá, xúc tiến thương mại cho sản phẩm hàng hóa, dịch vụ.

- Tập huấn kỹ thuật theo nhu cầu của các thành viên tổ nhóm, nâng cao năng lực quản lý và vận hành tổ nhóm.

- Hỗ trợ cán bộ trực tiếp đến tận hộ gia đình hướng dẫn thực hiện dự án cho đến khi có kết quả.

- Tổ chức đi thực tế học tập các dự án có hiệu quả giữa các địa phương do thủ trưởng đơn vị quyết định trong phạm vi dự toán được giao.

- Xây dựng, quản lý dự án.

6. Cơ chế quay vòng một phần vốn hỗ trợ để luân chuyển trong cộng đồng: Thực hiện theo Quyết định số 31/2022/QĐ-UBND ngày 29/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

a) Nguyên tắc thu hồi:

- Việc thu hồi, quay vòng một phần vốn ngân sách Nhà nước đã hỗ trợ để luân chuyển trong cộng đồng phải đảm bảo phù hợp với điều kiện, đặc điểm, quy mô, tính chất của từng dự án và địa bàn triển khai thực hiện.

- Đảm bảo công khai, minh bạch, dân chủ, phát huy quyền làm chủ và sự tham gia tích cực, chủ động, có cam kết của cộng đồng dân cư trong việc xây dựng, thực hiện dự án và thu hồi kinh phí quay vòng.

b) Hình thức, tỷ lệ và thời gian thu hồi:

- Hình thức thu hồi để quay vòng: bằng tiền mặt.

- Tỷ lệ thu hồi vốn Nhà nước đã hỗ trợ thực hiện dự án: 30%/dự án.

- Mức thu hồi và thời gian thu hồi:

+ Mức thu hồi: Căn cứ tỷ lệ thu hồi vốn quy định đã nêu trên, cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự án mô hình giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất do cộng đồng dân cư đề xuất xác định số vốn phải thu hồi trong quyết định phê duyệt dự án.

+ Thời gian thu hồi: Ngay sau khi kết thúc dự án.

- Tỷ lệ quay vòng, thời gian thu hồi phải được thể hiện rõ trong quyết định phê duyệt dự án.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Nguồn vốn: Theo Quyết định số 4157/QĐ-UBND ngày 16/12/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Trà Cú về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2023 (*Nguồn vốn có mục tiêu thực hiện 03 Chương trình mục tiêu Quốc gia năm 2023 (vốn sự nghiệp)*.

2. Mức hỗ trợ, phương thức hỗ trợ từ vốn ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền phê duyệt thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia, thực hiện dự án mô hình giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng:

- Thực hiện theo Quyết định số 31/2022/QĐ-UBND ngày 29/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh[1]; không quá 60% tổng chi phí ngân sách Trung ương hỗ trợ thực hiện một (01) dự án trên địa bàn huyện. Mức hỗ trợ cụ thể thực hiện một (01) dự án theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh và hướng dẫn của cơ quan chủ quản chương trình.

- Mức hỗ trợ thực hiện một (01) dự án phải phù hợp với điều kiện, đặc điểm, quy mô, mục tiêu, nhiệm vụ, tính chất của từng dự án/phương án sản xuất

[1] Ban hành Quy định mức hỗ trợ thực hiện Dự án 2 về đa dạng hoá sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và cơ chế quay vòng một phần vốn hỗ trợ để luân chuyển trong cộng đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021- 2025 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh

và trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao *(không quá 500 triệu đồng/dự án)*.

3. Dự kiến phân bổ kinh phí thực hiện dự án tại các xã:

TT	Đơn vị	Dự án: Đa dạng hóa sinh kế , phát triển mô hình giảm nghèo	Chi phí xây dựng, thẩm định, quản lý, giám sát mô hình, dự án, các nội dung khác thực tế phát sinh,…	Tổng kinh phí
1	Phước Hưng	382.375.000	20.125.000	402.500.000
2	Tập Sơn	378.575.000	19.925.000	398.500.000
3	Tân Sơn	378.100.000	19.900.000	398.000.000
4	An Quảng Hữu	382.375.000	20.125.000	402.500.000
5	Lưu Nhiệp Anh	378.100.000	19.900.000	398.000.000
6	Ngãi Xuyên	378.100.000	19.900.000	398.000.000
7	Kim Sơn	378.100.000	19.900.000	398.000.000
8	Thanh Sơn	378.100.000	19.900.000	398.000.000
9	Hàm Giang	382.375.000	20.125.000	402.500.000
10	Hàm Tân	382.375.000	20.125.000	402.500.000
11	Đại An	382.375.000	20.125.000	402.500.000
12	Định An	382.375.000	20.125.000	402.500.000
13	Ngọc Biên	382.375.000	20.125.000	402.500.000
14	Long Hiệp	382.375.000	20.125.000	402.500.000
15	Tân Hiệp	382.375.000	20.125.000	402.500.000
Tổng cộng		**5.710.450.000**	**300.550.000**	**6.011.000.000**

V. THỜI GIAN VÀ QUY ĐỊNH XÂY DỰNG, THỰC HIỆN TỪNG DỰ ÁN THEO PHƯƠNG THỨC HỖ TRỢ

1. Thời gian thực hiện:

- Thời gian thực hiện: Năm 2023.

2. Xây dựng, thực hiện dự án mô hình giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng: theo quy định tại khoản 1, Điều 07 của Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

a) Điều kiện hỗ trợ dự án:

- Đảm bảo tối thiểu 50% người dân tham gia là đối tượng hỗ trợ của chương trình, trong đó ưu tiên nguồn lực thực hiện dự án, mô hình có trên 70% người dân tham gia là đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng, phụ nữ thuộc hộ nghèo.

- Cộng đồng dân cư đề xuất dự án phát triển sản xuất là nhóm hộ được Ủy ban nhân dân cấp xã chứng thực; tổ hợp tác thành lập tự nguyện theo quy định của pháp luật; nhóm hộ do các tổ chức chính trị - xã hội làm đại diện; nhóm hộ

do Ban phát triển ấp làm đại diện hoặc nhóm hộ do người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số làm đại diện.

- Tổ, nhóm cộng đồng phải có thành viên có kinh nghiệm làm kinh tế giỏi.

- Hộ tham gia dự án phải đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất, lao động, tư liệu sản xuất đáp ứng nội dung của dự án và cam kết đảm bảo phần đối ứng thực hiện dự án.

b) Các bước xây dựng, phê duyệt dự án:

*** Bước 1: Xây dựng dự án:**

- Cộng đồng dân cư phối hợp, thống nhất với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi dự kiến triển khai dự án để xây dựng dự án theo Mẫu số 02 *(kèm theo)* và lập hồ sơ đề xuất thực hiện dự án.

- Hồ sơ đề xuất thực hiện dự án bao gồm: Biên bản họp dân; kế hoạch sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm; tổng chi phí dự án, đề nghị mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước, phần đóng góp của các thành viên tổ nhóm; kết quả thực hiện dự án; hình thức luân chuyển, cách thức quản lý hiện vật hoặc tiền luân chuyển quay vòng trong cộng đồng (nếu có); trách nhiệm giám sát của Ủy ban nhân dân cấp xã đối với quản lý hiện vật hoặc tiền luân chuyển; nhu cầu đào tạo, tập huấn về kỹ thuật; nội dung khác (nếu có) theo quy định của cơ quan có thẩm quyền tại địa phương.

*** Bước 2: Thẩm định dự án:**

- Cộng đồng dân cư gửi hồ sơ đề xuất dự án, phương án sản xuất đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi dự kiến triển khai dự án để trình Ủy ban nhân dân cấp huyện thẩm định.

- Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập Tổ thẩm định hồ sơ đề xuất dự án, phương án sản xuất và quyết định đơn vị, bộ phận giúp việc cho Tổ thẩm định. Thành phần Tổ thẩm định bao gồm: Tổ trưởng là lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện; thành viên là lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có dự án, phương án sản xuất của cộng đồng; lãnh đạo phòng, ban chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; chuyên gia hoặc những người có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm về thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất do cộng đồng bình chọn (nếu có).

*** Bước 3: Phê duyệt dự án:**

- Căn cứ ý kiến thẩm định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định hoặc ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Thủ trưởng phòng, ban trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phê duyệt dự án mô hình giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất do cộng đồng dân cư đề xuất.

- Nội dung quyết định dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất bao gồm: Tên dự án, phương án; thời gian triển khai; địa bàn thực hiện; đối tượng tham gia dự án; các hoạt động của dự án; dự toán kinh phí thực hiện dự án; nguồn kinh phí thực hiện (ngân sách nhà nước hỗ trợ, vay vốn tín dụng ưu đãi, vốn lồng ghép thực hiện các chính sách và vốn đối ứng của các hộ gia đình tham gia (nếu có); hình thức, mức quay vòng (nếu có); dự kiến hiệu quả, kết quả đầu ra

của dự án, phương án; trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị chủ trì, phối hợp; chế tài xử lý trong trường hợp vi phạm cam kết (nếu có).

- Thời gian thẩm định, phê duyệt dự án: Trong thời gian 07 ngày làm việc, kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện quyết định hoặc ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Thủ trưởng phòng, ban trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phê duyệt dự án; trường hợp dự án không đủ điều kiện theo quy định phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội:

- Chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan, Ủy ban nhân dân các xã, các tổ chức hội, đoàn thể tuyên truyền, phổ biến rộng rãi cho người dân thuộc đối tượng đầu tư tiếp cận được nguồn vốn, đăng ký nhu cầu đề xuất mô hình tham gia dự án, tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này theo quy định.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân huyện tổ chức thẩm định và trình Ủy ban nhân huyện phê duyệt dự án.

- Phân công cán bộ trực tiếp phụ trách theo dõi, hướng dẫn, giám sát thanh toán và giải ngân vốn dựa trên kết quả nghiệm thu từng giai đoạn; tiến độ thực hiện mô hình báo cáo kết quả về Ủy ban nhân dân huyện và Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân các xã tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện dự án theo Kế hoạch này.

2. Phòng Tài chính - Kế hoạch:

Chủ trì phối hợp với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, các cơ quan, đơn vị có liên quan, Ủy ban nhân dân các xã hướng dẫn cơ chế quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí thực hiện dự án Chương trình mục tiêu theo Kế hoạch này.

3. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

Chủ trì phối hợp với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, các cơ quan, đơn vị có liên quan, Ủy ban nhân dân các xã tập huấn, chuyển giao khoa học, kỹ thuật, hướng nghiệp hỗ trợ trong việc lựa chọn vật nuôi, cây trồng, nguyên liệu sản xuất, vật tư, công cụ, máy móc, thiết bị, điều kiện cơ sở vật chất do cộng đồng đề xuất phù hợp với mục tiêu Kế hoạch này.

4. Ủy ban nhân dân các xã được phân bổ vốn:

- Tổ chức triển khai thực hiện Dự án trên địa bàn và chủ động huy động thêm các nguồn lực khác để đối ứng thực hiện mô hình. Chịu trách nhiệm toàn diện về tiến độ, quy mô, chất lượng, hiệu quả của dự án mô hình thực hiện do địa phương chủ trì quản lý và tham gia thực hiện; Trong triển khai thực hiện phải căn cứ các quy định tại Điều 8 Nghị định số 27/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của

Chính phủ và khoản 4, 5 Điều 10 theo Quyết định số 31/2022/QĐ-UBND ngày 29/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh[2].

- Ủy ban nhân dân cấp xã thông báo nội dung của dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt đến cộng đồng dân cư thực hiện dự án.

- Cộng đồng dân cư triển khai thực hiện các nội dung hoạt động của dự án đảm bảo tiến độ và hiệu quả; tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện dự án 6 tháng, hằng năm và tổng kết, gửi Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện theo Mẫu số 05 *(kèm theo)*.

- Ủy ban nhân dân cấp xã theo dõi, đánh giá việc thực hiện dự án trên địa bàn; kịp thời kiến nghị Ủy ban nhân dân cấp huyện các nội dung vướng mắc liên quan.

5. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội:

Tham gia tuyên truyền và thực hiện giám sát quá trình tổ chức thực hiện Kế hoạch này.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023 trên địa bàn huyện Trà Cú./.

Nơi nhận:
- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Các phòng, ban, ngành huyện;
- Các đoàn thể huyện;
- UBND các xã có liên quan;
- Lưu: VT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ CÚ T. TRÀ VINH

Tăng Thị Thắm

[2] Ban hành Quy định mức hỗ trợ thực hiện dự án 2 về đa dạng hoá sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và cơ chế quay vòng một phần vốn hỗ trợ để luân chuyển trong cộng đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021- 2025 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh